

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 - 2015 có xét đến 2020”**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 42/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định nội dung, trình tự và thủ tục lập và thẩm định quy hoạch phát triển điện lực;

Xét đề nghị của UBND tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 1651/UBND-KTN ngày 02 tháng 8 năm 2011 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 - 2015 có xét đến 2020; Văn bản góp ý cho đề án số 2860/EVN-KH ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Hồ sơ bổ sung, hiệu chỉnh đề án do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 3 lập tháng 9 năm 2011;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề án “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2011 - 2015 có xét đến 2020” do Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 3 lập với các nội dung chính như sau:

##### **1. Nhu cầu điện:**

Phê duyệt phương án cơ sở của dự báo nhu cầu điện đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Tây Ninh với tốc độ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011-2015 là 14,5%/năm và giai đoạn 2016-2020 là 15,3%/năm. Cụ thể như sau:

**a) Năm 2015:**

Công suất cực đại  $P_{\max} = 437$  MW, điện thương phẩm 2.560 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2011-2015 là 19,1%/năm, trong đó: công nghiệp - xây dựng tăng 25,4%/năm; nông - lâm - thủy sản tăng 7,2%/năm; thương mại - dịch vụ tăng 16,1%/năm; quản lý và tiêu dùng dân cư tăng 10,4%/năm; hoạt động khác tăng 14,2%/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 2.265kWh/người/năm.

**b) Năm 2020:**

Công suất cực đại  $P_{\max} = 913$  MW, điện thương phẩm 5.990 triệu kWh. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 là 18,5%/năm. Điện năng thương phẩm bình quân đầu người là 5.043 kWh/người/năm.

Tổng hợp nhu cầu điện của các thành phần phụ tải được trình bày chi tiết trong Phụ lục 1 kèm theo.

**2. Quy hoạch phát triển lưới điện:**

**2.1 Quan điểm thiết kế**

**2.1.1 Lưới điện 220, 110kV**

- Cấu trúc lưới điện: Lưới điện 220kV-110kV tỉnh Tây Ninh được thiết kế mạch vòng, mỗi trạm biến áp được cấp điện bằng hai đường dây đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện theo tiêu chuẩn độ tin cậy n-1 và chất lượng điện năng trong chế độ làm việc bình thường và sự cố đơn lẻ theo các quy định hiện hành. Lưới điện 220kV-110kV phải đảm bảo độ dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp.

- Đường dây 220-110kV: Được thiết kế nhiều mạch, ưu tiên sử dụng loại cột nhiều mạch để giảm hành lang tuyến các đường dây tải điện.

- Trạm biến áp 220/110kV: Được thiết kế với cấu hình đầy đủ tối thiểu là hai (02) máy biến áp.

- Tiết diện dây dẫn:

+ Các đường dây 220kV: Sử dụng dây dẫn có tiết diện  $\geq 400\text{mm}^2$  có dự phòng cho phát triển ở giai đoạn kế tiếp.

+ Các đường dây 110kV: Sử dụng dây dẫn tiết diện  $\geq 185\text{mm}^2$ .

- Gam máy biến áp: Sử dụng gam máy biến áp công suất 125, 250MVA cho cấp điện áp 220kV; 25, 40, 63MVA cho cấp điện áp 110kV; đối với các

trạm phụ tải của khách hàng, gam máy đặt tùy theo quy mô công suất sử dụng. Công suất cụ thể từng trạm được chọn phù hợp với nhu cầu công suất và đảm bảo chế độ vận hành bình thường mang tải lớn nhất 75% công suất định mức.

- Hỗ trợ cấp điện giữa các trạm 110kV được thực hiện bằng các đường dây mạch vòng 22kV liên lạc giữa các trạm.

### **2.1.2 Lưới điện trung thế**

a) Điện áp lưới điện trung thế: Cấp điện áp 22kV được chuẩn hoá cho phát triển lưới điện trung thế trên địa bàn tỉnh.

b) Cấu trúc lưới điện:

- Khu vực thành phố, khu đô thị mới, thị xã, thị trấn và các hộ phụ tải quan trọng, lưới điện được thiết kế mạch vòng, vận hành hở; khu vực nông thôn, lưới điện được thiết kế hình tia.

- Các đường trục trung thế mạch vòng ở chế độ làm việc bình thường chỉ mang tải từ 60-70% công suất so với công suất mang tải cực đại cho phép của đường dây.

- Sử dụng đường dây trên không 22kV 3 pha 4 dây cho đường trục và các nhánh rẽ. Tại khu vực thành phố, thị xã, thị trấn và khu vực đông dân cư, các nhánh rẽ cấp điện cho trạm biến áp chuyên dùng có thể sử dụng cáp ngầm hoặc cáp bọc cách điện, cáp vặn xoắn trên không nhằm tiết kiệm vốn đầu tư để bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị.

c) Tiết diện dây dẫn:

- Khu vực nội thành, nội thị, khu đô thị mới, khu du lịch, khu công nghiệp:

+ Đường trục: Sử dụng dây nhôm lõi thép với tiết diện tương đương AC-240 hoặc AC-185.

+ Các nhánh rẽ: Sử dụng dây nhôm lõi thép với tiết diện  $\geq 95\text{mm}^2$ .

- Khu vực ngoại thành, ngoại thị và nông thôn:

+ Đường trục, các nhánh có chiều dài lớn sử dụng lưới 22kV 3 pha 4 dây, các nhánh nhỏ dùng lưới 1 pha (12,7kV). Dây dẫn dùng dây nhôm lõi thép có tiết diện đường trục  $95\text{mm}^2$ , tiết diện nhánh rẽ  $50\text{mm}^2$ ;

d) Gam máy biến áp phân phối:

- Khu vực thành phố, thị xã, đô thị mới, thị trấn sử dụng các máy biến áp ba pha có gam công suất từ 100÷630kVA;

- Khu vực nông thôn, miền núi sử dụng các máy biến áp một pha có gam công suất từ 25kVA÷50kVA và máy ba pha công suất 75÷250kVA;

- Các trạm biến áp chuyên dùng của khách hàng được thiết kế phù hợp với quy mô phụ tải.

### **2.1.3 Lưới điện hạ thế**

- Khu vực thành phố, thị xã, khu đô thị mới và các hộ phụ tải quan

trọng: Sử dụng cáp vặn xoắn ruột nhôm nõi (ABC), loại 4 ruột chịu lực, tiết diện  $70\text{mm}^2$ , bán kính cấp điện  $300\div 500\text{m}$ .

- Khu vực ngoại thành, ngoại thị và nông thôn: Sử dụng cáp vặn xoắn ruột nhôm nõi (ABC), loại 4 ruột chịu lực, tiết diện  $\geq 50\text{mm}^2$ , bán kính cấp điện  $500\div 800\text{m}$ .

## **2.2 Khối lượng xây dựng**

Phê duyệt quy mô, tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp theo các giai đoạn quy hoạch như sau:

### ***2.2.1 Lưới điện 220, 110kV:***

#### **a) Giai đoạn 2011-2015**

##### **Lưới điện 220kV**

*Trạm biến áp:*

Thực hiện các công trình đang triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch giai đoạn 2006-2010, có xét đến 2015 được duyệt tại Phụ lục 2 của Quyết định này.

*Đường dây:*

- Thực hiện các công trình đang triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch giai đoạn 2006-2010, có xét đến 2015 được duyệt tại Phụ lục 2 của Quyết định này.

- Xây dựng mới đường dây mạch kép Bình Long – Tây Ninh, chiều dài 60km, tiết diện AC400, vận hành năm 2014.

##### **Lưới điện 110kV**

*Trạm biến áp:*

- Thực hiện các công trình đang triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch giai đoạn 2006-2010, có xét đến 2015 được duyệt tại Phụ lục 2 của Quyết định này.

- Xây dựng mới 05 trạm biến áp với tổng công suất 286MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp 110/22kV KCN An Hòa quy mô công suất 40MVA, vận hành năm 2012;

+ Trạm biến áp 110/22kV Châu Thành quy mô công suất 40MVA, vận hành năm 2012;

+ Trạm biến áp 110/22kV Hòa Thành quy mô công suất 40MVA, vận hành năm 2013;

+ Trạm biến áp 110/22kV Tây Ninh 2 quy mô công suất 40MVA, vận hành năm 2013;

+ Trạm biến áp 110/22kV Phước Đông – Bời Lời quy mô công suất 2x63MVA, lắp trước máy T1, vận hành giai đoạn 2012 - 2014.

- Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 03 trạm biến áp với tổng công suất tăng thêm 126MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp Tây Ninh, thay máy biến áp T1 từ công suất 40MVA thành 63MVA, điện áp 110/22kV, nâng quy mô công suất trạm lên (63+40)MVA, vận hành năm 2011;

+ Trạm biến áp Bến Cầu, thay máy biến áp T1 từ công suất 25MVA thành 40MVA, điện áp 110/22kV, nâng quy mô công suất trạm lên 40MVA, vận hành năm 2011;

+ Trạm biến áp Tân Biên, lắp máy biến áp T2 công suất 63MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên thành (25+63)MVA, vận hành năm 2013.

*Đường dây:*

- Thực hiện các công trình đang triển khai đầu tư xây dựng theo quy hoạch giai đoạn 2006-2010, có xét đến 2015 được duyệt tại Phụ lục 2 của Quyết định này.

- Xây dựng mới 119km đường dây 110kV, bao gồm:

+ Đường dây mạch kép đầu nối trạm biến áp 110kV KCN An Hòa, chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV Trảng Bàng 2 – Đức Hòa, chiều dài 3km, tiết diện AC240, vận hành năm 2012.

+ Đường dây mạch kép Châu Thành - trạm biến áp 220kV Tây Ninh, chiều dài 15km, tiết diện AC240, treo trước một mạch, vận hành năm 2013;

+ Đường dây mạch kép đầu nối trạm biến áp 110kV Tây Ninh 2, chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV Châu Thành - trạm biến áp 220kV Tây Ninh, chiều dài 2km, tiết diện AC240, vận hành năm 2013;

+ Đường dây mạch kép đầu nối trạm biến áp 110kV Phước Đông – Bời Lời, chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV Tây Ninh - trạm biến áp 220kV Trảng Bàng 2, chiều dài 1,5km, tiết diện AC240, vận hành năm 2012;

+ Đường dây mạch kép đầu nối trạm biến áp 110kV Hòa Thành, chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110kV Tây Ninh – Thạnh Đức, chiều dài 4km, tiết diện AC240, vận hành năm 2013;

+ Đường dây mạch đơn Tân Hưng – Xi Măng Tây Ninh, chiều dài 30km, tiết diện AC240, vận hành năm 2014;

+ Đường dây mạch đơn Châu Thành – Tân Biên, chiều dài 30km, tiết diện AC240, vận hành năm 2014.

+ Nhánh rẽ chuyển tiếp 4 mạch vào ra trạm biến áp 220kV Tây Ninh từ đường dây 110kV trạm biến áp 110kV Tây Ninh – Bình Long và đường dây 110kV trạm biến áp 110kV Tây Ninh – Dầu Tiếng, chiều dài 1km, tiết diện AC240, vận hành năm 2013.

- Cải tạo, nâng tiết diện 45,4km đường dây 110kV, bao gồm:

+ Treo dây mạch hai đường dây trạm biến áp 220kV Trảng Bàng 2 – Trảng Bàng – KCN Trảng Bàng – Củ Chi, chiều dài 11,2km, tiết diện AC185, vận hành giai đoạn 2013-2014;

+ Treo dây mạch hai đường dây đầu nối trạm biến áp 110kV Bến Cầu, chiều dài 14,2km, tiết diện AC240, vận hành năm 2014;

+ Treo dây mạch hai tuyến đường dây Thạnh Đức – Tây Ninh, chiều dài 20km, tiết diện AC240, vận hành năm 2014.

Danh mục các công trình đường dây, trạm biến áp và sơ đồ đầu nối được đưa vào vận hành giai đoạn 2011-2015 chi tiết trong Phụ lục 3 và hồ sơ đề án quy hoạch.

## **b) Giai đoạn 2016-2020**

### **Lưới điện 220kV**

#### *Trạm biến áp:*

- Xây dựng mới trạm biến áp Tây Ninh 2, quy mô công suất 2x250MVA, lắp trước máy biến áp T1 công suất 250MVA.

- Mở rộng, nâng quy mô công suất trạm biến áp Tây Ninh, lắp máy biến áp T2 công suất 250MVA, nâng quy mô công suất trạm từ 1x250MVA lên 2x250MVA.

#### *Đường dây:*

Xây dựng mới 240km đường dây 220kV, bao gồm:

- Đường dây mạch 4 mạch đầu nối trạm biến áp 220kV Tây Ninh 2 chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 220kV Trảng Bàng 2 – Tây Ninh, chiều dài 2km, tiết diện AC400;

- Đường dây mạch kép Tây Ninh – KongPong Cham, chiều dài 116km, tiết diện AC400.

### **Lưới điện 110 kV**

#### *Trạm biến áp:*

- Xây dựng mới 3 trạm biến áp với tổng dung lượng 252MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp 110/22kV Xa Mát, quy mô công suất 1x63MVA;

+ Trạm biến áp 110/22kV Mộc Bài, quy mô công suất 1x63MVA;

+ Trạm biến áp 110/22kV Phước Đông – Bời Lời 2, quy mô công suất 2x63MVA.

- Cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 10 trạm biến áp với tổng dung lượng tăng thêm 415MVA, bao gồm:

+ Trạm biến áp Trảng Bàn, thay máy biến áp T2 công suất 25MVA bằng máy biến áp công suất 40MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên 2x40MVA;

+ Trạm biến áp Tân Hưng, thay máy biến áp T1 công suất 25MVA bằng máy biến áp công suất 63MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên (63+25)MVA;

+ Trạm biến áp KCN Trảng Bàn, lắp máy biến áp T2 công suất 40MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên 2x40MVA;

+ Trạm biến áp Bến Cầu, lắp máy biến áp T2 công suất 40MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên 2x40MVA;

+ Trạm biến áp Thạnh Đức, thay máy biến áp T1 công suất 25MVA bằng máy biến áp công suất 63MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên (63+25)MVA;

+ Trạm biến áp Tân Biên, thay máy biến áp T2 công suất 25MVA bằng máy biến áp công suất 40MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên (63+40)MVA;

+ Trạm biến áp KCN Hòa An, lắp máy biến áp T2 công suất 40MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên 2x40MVA;

+ Trạm biến áp Hòa Thành, lắp máy biến áp T2 công suất 63MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên (40+63)MVA;

+ Trạm biến áp Châu Thành, lắp máy biến áp T2 công suất 63MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên (40+63)MVA;

+ Trạm biến áp Tây Ninh 2, lắp máy biến áp T2 công suất 63MVA, điện áp 110/22kV, nâng tổng quy mô công suất trạm lên (40+63)MVA;

*Đường dây:*

- Xây dựng mới 76km đường dây 110kV, bao gồm:

+ Đường dây mạch kép Tân Biên – Xa Mát, chiều dài 18km, tiết diện AC185;

+ Đường dây mạch kép Phước Đông - Bời Lời 2 - trạm biến áp 220kV Tây Ninh 2, chiều dài 10km, tiết diện AC240;

+ Đường dây mạch kép Phước Đông - Bời Lời – Phước Đông - Bời Lời 2, chiều dài 3km, tiết diện AC240;

+ Nhánh rẽ 4 mạch vào trạm biến áp 220kV Tây Ninh 2, chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 110kV trạm biến áp 220kV Trảng Bàng 2 – Tây Ninh, chiều dài 2km, tiết diện AC240;

+ Đường dây mạch kép Bến Cầu – Mộc Bài, chiều dài 3km, tiết diện AC240.

- Cải tạo, nâng tiết diện 64km đường dây 110kV, bao gồm:

+ Treo dây mạch 2 đường dây Châu Thành – trạm biến áp 220kV Tây Ninh, chiều dài 15km, tiết diện AC240;

+ Cải tạo, nâng tiết diện đường dây một mạch Tây Ninh – Bourbon – Tân Hưng – Tân Biên, chiều dài 49km, từ tiết diện AC 185 lên AC240.

Danh mục công trình đường dây và trạm biến áp vận hành giai đoạn 2016-2020 chi tiết trong Phụ lục 4 kèm theo và hồ sơ đề án quy hoạch.

### **2.2.2 Lưới điện trung thế giai đoạn 2011-2015:**

*Đường dây:*

- Xây dựng mới 818km đường dây trung thế 22kV, trong đó cáp ngầm 6km.

- Cải tạo nâng tiết diện 332km đường dây trung thế 22kV.

*Trạm biến áp:*

- Xây dựng mới 1.585 trạm biến áp phân phối 22/0,4kV với tổng dung lượng 390MVA.

Sơ đồ và bản đồ chi tiết lưới điện trung thế theo hồ sơ quy hoạch.

### **2.2.3 Lưới điện hạ thế giai đoạn 2011-2015:**

- Đường dây: Xây dựng mới 887km;

- Công tơ: Lắp đặt mới 22.977 công tơ hạ thế.

Khối lượng xây dựng lưới điện hạ thế sẽ được chuẩn xác trong quy hoạch phát triển điện lực cấp huyện.

### **3. Vốn đầu tư thực hiện quy hoạch:**

Giai đoạn 2011 - 2015 tổng vốn đầu tư xây mới, cải tạo các công trình lưới điện có cấp điện áp từ 220kV trở xuống ước tính là 2.956,5 tỷ đồng.

Trong đó:

- Lưới 220kV:	1.135,5 tỷ đồng
- Lưới 110kV:	989,7 tỷ đồng
- Lưới trung áp:	702 tỷ đồng
- Lưới hạ áp:	129,6 tỷ đồng



Vốn đã có trong kế hoạch là 861 tỷ đồng và vốn cần bổ sung là 2.095,5 tỷ đồng.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tổ chức công bố công khai quy hoạch, bố trí quỹ đất cho các công trình trong quy hoạch đã được phê duyệt, giao Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh tổ chức triển khai lập quy hoạch phát triển điện lực các huyện, thị xã để chuẩn xác lưới điện phân phối đến từng phường, xã, thôn; xác định rõ quy mô, tiến độ cải tạo lưới trung thế nhằm tiết kiệm vốn đầu tư và giảm tổn thất điện năng.

2. Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh để thực hiện quy hoạch. Trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình lưới điện truyền tải và phân phối, các đơn vị điện lực cần tuân thủ đúng cấu trúc lưới điện, quy mô và cấp điện áp được phê duyệt; tuân thủ các Quy định về hệ thống điện truyền tải và Quy định về hệ thống điện phân phối đã được Bộ Công Thương ban hành.

3. Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh chỉ đạo Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 3 hoàn thiện đề án quy hoạch theo đúng các nội dung được phê duyệt trong Quyết định này và gửi đề án đã hoàn thiện cho Bộ Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam để quản lý và thực hiện quy hoạch. Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, quản lý thực hiện Quy hoạch đã được Bộ Công Thương phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Tập đoàn điện lực Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ KHĐT;
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- SCT Tây Ninh;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia;
- Tổng công ty Điện lực miền Nam;
- Công ty Điện lực Tây Ninh;
- CTCP Tư vấn xây dựng Điện 3;
- Lưu: VT, ĐTĐL (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Hoàng Quốc Vượng**

**PHỤ LỤC 1: NHU CẦU CÔNG SUẤT VÀ ĐIỆN NĂNG TỈNH TÂY NINH GIAI ĐOẠN ĐẾN 2011-2015, CÓ XÉT ĐẾN 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5905 /QĐ-BCT ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

TT	Hạng mục	Năm 2010			Năm 2015			Năm 2020			Tăng trưởng bình quân/năm (%)	
		P (MW)	A (GWh)	%A	P (MW)	A (GWh)	%A	P (MW)	A (GWh)	%A	2011-2015	2016-2020
1	Công nghiệp, Xây dựng	127	522,5	49,1	349	1.620	63,3	882	4.425,3	73,9	25,4	22,3
	<i>Trong đó KCN và CCN</i>	55	235,3		221	1.054		629	3.323			
2	Nông - lâm - thủy sản	3,4	4,8	0,5	4,4	6,9	0,27	5	9,3	0,2	7,2	6,3
3	Thương mại, dịch vụ	6,5	17,9	1,7	12	37,8	1,48	23,5	76,8	1,28	16,1	15,2
4	Quản lý và TDDC	136	381,0	35,7	214	623,7	24,4	325	985,0	16,4	10,4	9,6
	<i>Bán điện cho Campuchia</i>	24	111,2		39	191,4		63	338,8			
5	Các nhu cầu khác	34	139,7	13,1	62	271,5	10,6	106	493,8	8,2	14,2	12,7
	<b>Tổng thương phẩm</b>		<b>1.066</b>	<b>100</b>		<b>2.560</b>	<b>100</b>		<b>5.990</b>	<b>100</b>	<b>19,1</b>	<b>18,5</b>
	Tổn thất		70	6,6		153	6,0		330	5,5		
	<b>Tổng điện nhận</b>		<b>1.136</b>			<b>2.713</b>			<b>6.320</b>			
	<b>P<sub>max</sub> TOÀN TỈNH (MW)</b>	<b>199</b>			<b>437</b>			<b>913</b>				

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN TRONG QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2006-2010, CÓ XÉT ĐẾN NĂM 2015 ĐANG ĐƯỢC TRIỂN KHAI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯA VÀO VẬN HÀNH GIAI ĐOẠN 2011-2015**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5905 /QĐ-BCT ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**Bảng 2.1. Danh mục các công trình đường dây 220-110kV của tỉnh Tây Ninh**

TT	Danh mục	Tiết diện		Quy mô		Thời điểm vận hành	Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài (km)		
<b>I</b>	<b>Đường dây 220kV</b>						
1.	Tây Ninh – Trảng Bàng 2		ACSR-400	2	45	2013	Đang lập DADT, TKKT

**Bảng 2.2. Danh mục các công trình trạm biến áp 220-110kV của tỉnh Tây Ninh**

TT	Danh mục	Hiện trạng		Quy mô		Thời điểm vận hành	Ghi chú
		Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)		
<b>I</b>	<b>Trạm biến áp 220kV</b>						
1.	Tây Ninh			2x250	220/110/22	Máy T1 2013	Đang lập DADT, TKKT
<b>II</b>	<b>Trạm biến áp 110kV</b>						
1.	Thạnh Đức (Gò Dầu)	1x25	110/22	2x25	110/22	2011-2012	Đang xây dựng

**PHỤ LỤC 3: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN DỰ KIẾN XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2011-2015**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 5905 /QĐ-BCT ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**Bảng 3.1. Khối lượng và thời điểm đưa vào vận hành các đường dây 220-110kV tỉnh Tây Ninh**

TT	Danh mục	Tiết diện		Quy mô		Thời điểm vận hành
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài (km)	
<b>I</b>	<b>Đường dây 220kV</b>					
1.	Bình Long – Tây Ninh		AC400	2	60	2014
<b>II</b>	<b>Đường dây 110kV</b>					
	<i>Xây dựng mới</i>					
1.	Đầu nối trạm biến áp KCN An Hòa		AC240	2	3	2012
2.	Tân Hưng – Xi Măng Tây Ninh		AC240	1	30	2014
3.	Châu Thành – Tân Biên		AC240	1	30	2014
4.	Châu Thành - trạm biến áp 220kV Tây Ninh		AC240	1	15	2013
5.	Đầu nối trạm biến áp 110kV Tây Ninh 2		AC240	2	1,5	2013
6.	Đầu nối trạm biến áp 110kV Phước Đông – Bờ Lờ		AC240	2	4	2012
7.	Đầu nối trạm biến áp 110kV Hòa Thành		AC240	2	4	2013
	<i>Cải tạo, nâng tiết diện</i>					
1.	Treo dây mạch 2 đầu nối trạm biến áp Bến Cầu	AC185	AC240	2	14,2	2014
2.	Treo dây mạch 2 đường dây Trảng Bàn 2 – Trảng Bàn –	AC185	AC185	2	11,2	2013-2014

TT	Danh mục	Tiết diện		Quy mô		Thời điểm vận hành
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài (km)	
	KCN Trảng Bàng – Củ Chi					
3.	Treo dây mạch hai tuyến đường dây Thạnh Đức – Tây Ninh, điểm cuối của mạch hai không đầu vào thanh cái TBA 110kV Tây Ninh mà đầu vào thanh cái 110kV của TBA 220kV Tây Ninh	AC240	AC240	2	20	2014

**Bảng 3.2. Khối lượng trạm biến áp 220, 110kV xây dựng mới, cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất của tỉnh Tây Ninh**

TT	Danh mục trạm	Máy	Hiện trạng		2011		2012		2013		2014		2015	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
<b>I</b>	<b>Trạm 110kV</b>													
	<i>Xây dựng mới</i>													
1.	KCN An Hòa	T1					40	110/22						
2.	Hòa Thành	T1							40	110/22				
3.	Châu Thành	T1					40	110/22						
4.	Tây Ninh 2	T1							40	110/22				
5.	Phước Đông – Bời Lời	T1					63	110/22						
		T2									63	110/22		
	<i>Mở rộng, nâng quy mô công suất</i>													
1.	Tây Ninh	T1	40	110/22	63	110/22								
		T2	40	110/22										
2.	Tân Biên	T1	25	110/22										

TT	Danh mục trạm	Máy	Hiện trạng		2011		2012		2013		2014		2015	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
		T2							63	110/22				
3.	Bến Cầu	T1	25	110/22	40	110/22								

**Bảng 3.3. Khối lượng xây dựng mới và cải tạo lưới điện trung, hạ thế tỉnh Tây Ninh**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng xây dựng</b>
<b>A</b>	<b>Đường dây trung thế</b>	<b>km</b>	<b>1.150</b>
1.	<i>Xây dựng mới đường dây 22kV</i>	km	818
2.	<i>Cải tạo nâng tiết diện</i>	km	332
<b>B</b>	<b>Đường dây hạ thế</b>	<b>km</b>	<b>887</b>
	<i>Xây dựng mới</i>	km	887
<b>C</b>	<b>Công tơ</b>	<b>cái</b>	<b>22.997</b>
<b>D</b>	<b>Trạm biến áp phân phối</b>		
	<i>Xây dựng mới trạm 22/0,4kV</i>	trạm/MVA	1.585/390

**PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN DỰ KIẾN XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: 5905 /QĐ-BCT ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**Bảng 4.1 Khối lượng dự kiến xây dựng đường dây 220 -110kV tỉnh Tây Ninh**

TT	Danh mục	Loại dây – tiết diện		Qui mô		Địa điểm/Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài (km)	
	<b>Đường dây 220kV</b>					
	<i>Xây dựng mới</i>					
1.	Đầu nối trạm biến áp 220kV Tây Ninh 2		AC400	2	2	Chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 220kV Trảng Bàng 2 – Tây Ninh
2.	Tây Ninh – KongPong Cham		AC400	2	116	Phục vụ bán điện cho Campuchia, tiến độ phụ thuộc vào nhu cầu phụ tải
	<b>Đường dây 110kV</b>					
	<i>Xây dựng mới</i>					
1.	Tân Biên – Xa Mát		AC185	2	18	
2.	Phước Đông - Bời Lờ 2 - TBA 220kV Tây Ninh 2		AC240	2	10	Chuyển đầu nối TBA Phước Đông- Bời Lờ chuyển tiếp trên 1 mạch 110kV TBA 220kV Trảng Bàng 2 – TBA 220kV Tây Ninh 2 TBA Phước Đông – Bời
3.	Phước Đông - Bời Lờ – Phước Đông - Bời Lờ 2		AC240	2	3	



TT	Danh mục	Loại dây – tiết diện		Qui mô		Địa điểm/Ghi chú
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài (km)	
						Lời 2 chuyển tiếp trên một mạch TBA 220kV Tây Ninh – TBA 220kV Tây Ninh 2
4.	Nhánh rẽ 110kV vào TBA 220kV Tây Ninh 2		AC240	4	2	Chuyển đầu nối tuyến TBA 220kV Trảng Bàng 2-TBA 110kV Tây Ninh
5.	Bến Cầu – Mộc Bài		AC240	2	3	
	<b><i>Cải tạo, nâng tiết diện</i></b>					
1.	Treo dây mạch 2 Châu Thành – trạm biến áp 220kV Tây Ninh	AC240	AC240	2	15	
2.	Cải tạo nâng tiết diện đường dây Tây Ninh – Bourbon – Tân Hưng – Tân Biên	AC185	AC240	2	49	

**Bảng 4.2. Khối lượng trạm biến áp 220, 110kV xây dựng mới và cải tạo tỉnh Tây Ninh**

TT	Danh mục trạm	Máy	Hiện trạng		2016-2020	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
<b>A</b>	<b>Xây dựng mới</b>					
	<i>Trạm 220kV</i>					
1	Tây Ninh 2	T1			250	220/110/22
	<i>Trạm 110kV</i>					
1.	Xa Mát	T1			1x63	110/22
2.	Mộc Bài	T1			1x63	110/22
3.	Phước Đông – Bời Lời 2	T1, T2			2x63	110/22
<b>B</b>	<b>Cải tạo, nâng quy mô công suất</b>					
<b>I</b>	<i>Trạm 220kV</i>					
1.	Tây Ninh	T2	1x250	220/110/22	2x250	220/110/22
<b>II</b>	<i>Trạm 110kV</i>					
1.	Trảng Bàng	T2	40+25	110/22	2x40	110/22
2.	Tân Hưng	T1	25	110/22	63+25	110/22
3.	KCN Trảng Bàng	T2	40	110/22	2x40	110/22
4.	Bến Cầu	T2	40	110/22	2x40	110/22
5.	Thạnh Đức	T1	2x25	110/22	63+25	110/22
6.	Tân Biên	T2	40	110/22	63+40	110/22
7.	KCN Hòa An	T2	40	110/22	2x40	110/22
8.	Hòa Thành	T2	40	110/22	40+63	110/22
9.	Châu Thành	T2	40	110/22	40+63	110/22
10.	Tây Ninh 2	T2	40	110/22	40+63	110/22

**PHỤ LỤC 5: DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ KÈM THEO HỒ SƠ QUY HOẠCH  
PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC TỈNH TÂY NINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**

*(Ban hành kèm theo quyết định số: **5905** /QĐ-BCT ngày **11** tháng **11** năm  
**2011** của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

<b>STT</b>	<b>Tên bản vẽ</b>	<b>Ký hiệu bản vẽ</b>
1.	Bản đồ lưới điện truyền tải toàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020	510011A-LĐ-01
2.	Sơ đồ nguyên lý lưới điện truyền tải hiện hữu toàn tỉnh Tây Ninh	
3.	Sơ đồ nguyên lý lưới điện truyền tải toàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2015	
4.	Sơ đồ nguyên lý lưới điện truyền tải toàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020	
5.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối Thị xã Tây Ninh đến năm 2015	510011A -LĐ-03.1
6.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Tân Biên đến năm 2015	510011A -LĐ-03.2
7.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Tân Châu đến năm 2015	510011A -LĐ-03.3
8.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Dương Minh Châu đến năm 2015	510011A -LĐ-03.4
9.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Châu Thành đến năm 2015	510011A -LĐ-03.5
10.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Hòa Thành đến năm 2015	510011A -LĐ-03.6
11.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Gò Dầu đến năm 2015	510011A -LĐ-03.7
12.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Bến Cầu đến năm 2015	510011A -LĐ-03.8
13.	Bản đồ địa dư lưới điện phân phối huyện Trảng Bàng đến năm 2015	510011A -LĐ-03.9